

BÁO CÁO

**Về kết quả thực hiện công tác công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT
của Trường Mẫu giáo Mai Hồng năm học 2023-2024**

I. Thực hiện theo chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Văn bản số 1287/KH-GDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024;

- Văn bản số 1511/KH-GDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Phú về Kế hoạch Giáo dục mầm non quận Tân Phú năm học 2023 - 2024.

II. Việc triển khai Kế hoạch kiểm tra công tác thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của đơn vị

- Đã triển khai Kế hoạch số 54/KH-MGMH ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Trường Mẫu giáo Mai Hồng về thực hiện 3 công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2023-2024;

III. Đã thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT

1. Công tác triển khai

- Đơn vị xây dựng Kế hoạch số 31/KH-MGMH ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Trường Mẫu giáo Mai Hồng về thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2023-2024;

Những nội dung công khai trong Kế hoạch của đơn vị:

+ Cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

Cam kết chất lượng giáo dục: Mức độ về sức khỏe, năng lực, hành vi mà trẻ em sẽ đạt được sau mỗi lớp học, chương trình giáo dục mà cơ sở tuân thủ, các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục của cơ sở giáo dục (Theo Biểu mẫu 01).

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	98% trẻ khỏe mạnh, phát triển bình thường. 100% trẻ DC-BP tang cân chậm
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017 về Thông tư Ban hành chương trình giáo dục mầm non được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non Ban hành kèm Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Thể chất: 98% đạt yêu cầu - Nhận thức: 95% đạt yêu cầu - Ngôn ngữ: 95% đạt yêu cầu - Tình cảm và kỹ năng xã hội: 96% đạt yêu cầu - Thẩm mỹ: 95% đạt yêu cầu
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Tổ chức các hoạt động như: - Hội thi: Bé vẽ sáng tạo; Bé với An toàn giao thông - Tổ chức các sự kiện: Ngày hội Bé đến trường; Bé vui Trung thu; Nông trại bò sữa; Ngày nhà giáo Việt Nam; Bé vui đón tết....

+ Chất lượng giáo dục thực tế:

- Tổng số trẻ em toàn trường theo từng độ tuổi
- Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở
- Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em
- Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023 – 2024

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	232				46	80	106
1	Số trẻ em nhóm ghép	0				0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0				0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	232				46	80	106
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0				0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	232				46	80	106
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	232				46	80	106
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	232				46	80	106
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	232				46	80	106
1	Số trẻ cân nặng bình thường	202				44	72	86
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	1				0	1	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	232				46	80	106
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0				0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	29				2	7	20
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	232				46	80	106
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ							
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	232				46	80	106

+ Công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

- Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Biểu mẫu 03).

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023- 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	13	Số 1,6 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	8	-
1	Phòng học kiên cố	8	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	640	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	285	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	75	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	144	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	112	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	132	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	75	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	8	Số bộ/nhóm (lớp) 8 bộ/ 8 lớp
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	8	8/8
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	12	14 máy vi tính 9 máy chiếu 1 máy ảnh
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Máy in	3	

1	Nhà trẻ														
2	Mẫu giáo	16		13	3										
II	Cán bộ quản lý	1		1											
1	Hiệu trưởng	1		1											
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1										
III	Nhân viên	5													
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1		1											
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1				1									
5	Nhân viên cấp dưỡng	3					3								
6	Nhân viên khác														

+ Công khai thu chi tài chính

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

2. Kết quả thực hiện

+ Hình thức công khai: Niêm yết trên bản tin của nhà trường và phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh

+ Thời điểm công khai: Tháng 9/2023 và tháng 6/2024

+ Đã công khai các nội dung:

- Chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024
- Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023 – 2024
- Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024
- Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024

- Việc thực hiện Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2024-2025.

Trong thời gian tới, vào tháng 9/2024, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện 3 công khai và triển khai đến đội ngũ trong năm học 2023-2024 và thực hiện báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2024-2025.

3. Nhận xét, đánh giá:

+ Ưu điểm:

- Trong năm học qua việc thực hiện quy chế công khai trong hoạt động của nhà trường có những chuyển biến tích cực. Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện 3 công khai ngay từ đầu năm học và đã thực hiện niêm yết công khai trên bản tin của trường theo qui định.

- Việc thực hiện tốt quy chế công khai đã giúp cho mối quan hệ của cán bộ giáo viên, nhân viên với cha mẹ trẻ được tốt hơn. Nhờ vậy phụ huynh và các bộ phận trong nhà trường đề nắm rõ các nội dung thông báo, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt.

+ Hạn chế:

Hình thức công khai chưa phong phú

4. Đề nghị:

Không có./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (Tổ MN);
- Lưu VT.

